

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch  
đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Xét Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 165/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 9626/UBND-ĐTCT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương đã phân bổ để thực hiện nội dung tiết kiệm 5% tại Số thứ tự 1, Phụ lục II của Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh để điều chỉnh tăng kế hoạch vốn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ khác tại Số thứ tự 13, Phụ lục II của Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với số vốn **15.000** triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

**Điều 2.** Thông qua danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương với số vốn là **29.860** triệu đồng để thực hiện **06** dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

Việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương chỉ thực hiện sau khi các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

**Điều 3.** Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho **22** dự án, với số vốn **17.186** triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

### **Điều 4.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo quy định pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội

đồng nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính hợp pháp, chính xác và thống nhất của các nội dung, thông tin, số liệu đối với từng dự án, từng nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Chỉ đạo các Chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích, đúng quy định hiện hành, tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án đảm bảo theo thời gian quy định và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Sớm trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 đối với các nguồn vốn phân bổ sau theo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**Phụ lục I**  
**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH**  
**ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Nội dung/nhiệm vụ | Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 |                            | Điều chỉnh      |                                         |                 |                                         | Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công sau điều chỉnh |                            | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|-----------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
|     |                   |                                                                                                                                                         |                            | Điều chỉnh giảm |                                         | Điều chỉnh tăng |                                         |                                                       |                            |         |
|     |                   | Tổng nguồn vốn                                                                                                                                          | Trong đó:                  | Tổng nguồn vốn  | Trong đó:<br>Nguồn thu tiền sử dụng đất | Tổng nguồn vốn  | Trong đó:<br>Nguồn thu tiền sử dụng đất | Tổng nguồn vốn                                        | Trong đó:                  |         |
|     |                   |                                                                                                                                                         | Nguồn thu tiền sử dụng đất |                 |                                         |                 |                                         |                                                       | Nguồn thu tiền sử dụng đất |         |
|     | TỔNG CỘNG         | 420.000                                                                                                                                                 | 420.000                    | 15.000          | 15.000                                  | 15.000          | 15.000                                  | 420.000                                               | 420.000                    |         |

|   |                                                                                                   |         |         |        |        |        |        |         |         |                                                          |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|----------------------------------------------------------|
| 1 | Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao | 329.105 | 329.105 | 15.000 | 15.000 |        |        | 314.105 | 314.105 |                                                          |
| 2 | Các nội dung, nhiệm vụ khác                                                                       | 90.895  | 90.895  |        |        | 15.000 | 15.000 | 105.895 | 105.895 | Phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo điều kiện theo quy định |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC VÀ MỨC VỐN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC KHOA HỌC,**  
**CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW,**  
**KẾ HOẠCH NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT      | Danh mục dự án                                                                  | Địa điểm xây dựng       | Chủ đầu tư  | Quyết định chủ trương đầu tư | Tổng mức đầu tư                |                | Kế hoạch năm 2026 |                            | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------------|--------------------------------|----------------|-------------------|----------------------------|---------|
|          |                                                                                 |                         |             |                              | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó:      | Tổng cộng         | Trong đó:                  |         |
|          |                                                                                 |                         |             |                              |                                | NSDP           |                   | Nguồn thu tiền sử dụng đất |         |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                |                         |             |                              |                                |                | <b>233.400</b>    | <b>233.400</b>             |         |
| <b>A</b> | <b>Danh mục và mức vốn cho các dự án</b>                                        |                         |             |                              | <b>125.831</b>                 | <b>125.831</b> | <b>29.860</b>     | <b>29.860</b>              |         |
| 1        | Xây dựng và triển khai ứng dụng IoT trong ngành xây dựng, giao thông thông minh | Tỉnh Đắk Lắk            | Sở Xây dựng | 1746/QĐ-UBND ngày 05/6/2026  | 65.000                         | 65.000         | 1.500             | 1.500                      |         |
| 2        | Số hoá tài liệu lưu trữ tại Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk                             | Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk | Sở Tư pháp  | 1810/QĐ-UBND ngày 11/6/2026  | 10.908                         | 10.908         | 10.460            | 10.460                     |         |

|          |                                                                                                                                              |              |                          |                             |        |        |                |                |  |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------|-----------------------------|--------|--------|----------------|----------------|--|
| 3        | Triển khai Hệ thống trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức                                                                            | Tỉnh Đắk Lắk | Sở Khoa học và Công nghệ | 1894/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 | 17.998 | 17.998 | 6.800          | 6.800          |  |
| 4        | Triển khai hệ thống Hộp không giấy tờ                                                                                                        | Tỉnh Đắk Lắk | Sở Khoa học và Công nghệ | 1895/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 | 9.000  | 9.000  | 3.600          | 3.600          |  |
| 5        | Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo không gian địa lý (GeoAI), công nghệ viễn thám trong giám sát sử dụng đất và hỗ trợ đánh giá quy hoạch sử dụng đất | Tỉnh Đắk Lắk | Sở Khoa học và Công nghệ | 1896/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 | 17.925 | 17.925 | 3.000          | 3.000          |  |
| 6        | Xây dựng cổng thông tin dữ liệu mở tỉnh Đắk Lắk                                                                                              | Tỉnh Đắk Lắk | Sở Khoa học và Công nghệ | 1893/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 | 5.000  | 5.000  | 4.500          | 4.500          |  |
| <b>B</b> | <b>Phân bổ sau</b>                                                                                                                           |              |                          |                             |        |        | <b>203.540</b> | <b>203.540</b> |  |

**Phụ lục III****PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI TỪ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 02-CTr/TU***(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án                                                       | Chủ đầu tư                                        | Dự kiến tổng mức đầu tư | Dự toán chuẩn bị đầu tư                  |                                        |                          | Kế hoạch năm 2026 (vốn chuẩn bị đầu tư) |           | Ghi chú                                  |
|-----|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|-----------|------------------------------------------|
|     |                                                                      |                                                   |                         | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Dự toán chuẩn bị đầu tư được phê duyệt |                          | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)          | Trong đó: |                                          |
|     |                                                                      |                                                   |                         |                                          | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)         | Trong đó: Ngân sách tỉnh |                                         |           |                                          |
|     | TỔNG CỘNG                                                            |                                                   | 33.360.000              |                                          | 22.597                                 | 22.597                   | 105.895                                 | 105.895   |                                          |
| A   | PHÂN BỐ CHI TIẾT                                                     |                                                   | 33.360.000              |                                          | 22.597                                 | 22.597                   | 17.186                                  | 17.186    |                                          |
| I   | Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk |                                                   | 15.530.000              |                                          | 6.340                                  | 6.340                    | 6.340                                   | 6.340     |                                          |
| 1   | Kè chống xói lở bờ hữu sông Ba đoạn từ kè Phú Thứ đến cầu Đà Rằng cũ | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 700.000                 | 135/QĐ-BQL ngày 13/02/2026               | 210                                    | 210                      | 210                                     | 210       | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 2   | Tuyến đường kết nối liên vùng Quốc lộ 1 - Quốc lộ 19C (tuyến ĐT641)  | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 1.300.000               | 321/QĐ-BQL ngày 18/3/2026                | 230                                    | 230                      | 230                                     | 230       | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |

|           |                                                                                                         |                                                   |                   |                                 |              |              |              |              |                                                    |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|----------------------------------------------------|
| 3         | Đầu tư nâng cấp mở rộng và đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa tỉnh                                   | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 2.000.000         | 325/QĐ-BQL<br>ngày<br>20/3/2026 | 1.500        | 1.500        | 1.500        | 1.500        | NSTW 2026 -<br>2030 tại Báo<br>cáo 167/BC-<br>UBND |
| 4         | Tuyến đường kết nối tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông đến Quốc lộ 1, Quốc lộ 1D                         | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 850.000           | 335/QĐ-BQL<br>ngày<br>24/3/2026 | 150          | 150          | 150          | 150          | NSTW 2026 -<br>2030 tại Báo<br>cáo 167/BC-<br>UBND |
| 5         | Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh                                                | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 7.100.000         | 346/QĐ-BQL<br>ngày<br>26/3/2026 | 3.500        | 3.500        | 3.500        | 3.500        | NSTW 2026 -<br>2030 tại Báo<br>cáo 167/BC-<br>UBND |
| 6         | Cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại của tuyến Quốc lộ 25 qua địa bàn tỉnh                                | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 1.720.000         | 341/QĐ-BQL<br>ngày<br>25/3/2026 | 250          | 250          | 250          | 250          | NSTW 2026 -<br>2030 tại Báo<br>cáo 167/BC-<br>UBND |
| 7         | Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 19C (Bao gồm tuyến tránh qua xã Đồng Xuân)                              | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 1.300.000         | 342/QĐ-BQL<br>ngày<br>25/3/2026 | 240          | 240          | 240          | 240          | NSTW 2026 -<br>2030 tại Báo<br>cáo 167/BC-<br>UBND |
| 8         | Kè chống xói lở bờ tả Sông Ba khu vực Cầu Dinh Ông                                                      | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 210.000           | 132/QĐ-BQL<br>ngày<br>16/8/2025 | 120          | 120          | 120          | 120          | Chương trình<br>02- CTr/TU                         |
| 9         | Tuyến đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn nối các xã Bình Kiến và Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk                  | Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu vực phía Đông tỉnh | 350.000           | 194/QĐ-BQL<br>ngày<br>17/9/2025 | 140          | 140          | 140          | 140          | Chương trình<br>02- CTr/TU                         |
| <b>II</b> | <b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh</b> |                                                   | <b>13.780.000</b> |                                 | <b>3.928</b> | <b>3.928</b> | <b>3.928</b> | <b>3.928</b> |                                                    |

|   |                                                                                                                                                                                                                                      |                                |           |                                |     |     |     |     |                                          |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------|--------------------------------|-----|-----|-----|-----|------------------------------------------|
| 1 | Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 26 đoạn qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk                                                                                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh | 4.400.000 | 63/QĐ-BQLDAGTNN ngày 12/3/2026 | 717 | 717 | 717 | 717 | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 2 | Đầu tư xây dựng đường giao thông kết nối điểm cuối đường cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột với đường Đông – Tây, tỉnh Đắk Lắk                                                                                                        | Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh | 1.500.000 | 62/QĐ-BQLDAGTNN ngày 12/3/2026 | 288 | 288 | 288 | 288 | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 3 | Đầu tư xây dựng đường tránh Quốc lộ 26 (đoạn qua Krông Pắc)                                                                                                                                                                          | Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh | 950.000   | 64/QĐ-BQLDAGTNN ngày 12/3/2026 | 318 | 318 | 318 | 318 | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 4 | Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối từ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột kết nối Quốc lộ 26                                                                                                                                      | Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh | 1.080.000 | 65/QĐ-BQLDAGTNN ngày 12/3/2026 | 519 | 519 | 519 | 519 | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 5 | Tuyến đường Vành đai 2 thành phố Buôn Ma Thuột kết nối Tỉnh lộ 1 – Tỉnh lộ 5 – Tỉnh lộ 8 – Quốc lộ 14 – Quốc lộ 26 với cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (Tuyến đường Vành đai 2 thành phố Buôn Ma Thuột theo quy hoạch 1747/QĐ-TTg) | Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh | 1.800.000 | 57/QĐ-BQLDAGTNN ngày 10/3/2026 | 382 | 382 | 382 | 382 | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 6 | Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 27 đoạn qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk                                                                                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh | 2.230.000 | 58/QĐ-BQLDAGTNN ngày 10/3/2026 | 740 | 740 | 740 | 740 | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 7 | Tuyến đường kết nối liên vùng từ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột đến Quốc lộ 26, Quốc lộ 29 – Buôn Hồ (tuyến Tỉnh lộ 13D)                                                                                                          | Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh | 1.000.000 | 56/QĐ-BQLDAGTNN ngày 09/3/2026 | 434 | 434 | 434 | 434 | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |

|            |                                                                                                                                            |                                 |                  |                                |               |               |               |               |                                          |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|------------------------------------------|
| 8          | Đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp một số công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương trên địa bàn các xã của tỉnh Đắk Lắk                    | Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh  | 820.000          | 78/QĐ-BQLDAGTNN ngày 17/3/2026 | 530           | 530           | 530           | 530           | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| <b>III</b> | <b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh</b>                                                           |                                 | <b>1.300.000</b> |                                | <b>11.911</b> | <b>11.911</b> | <b>6.500</b>  | <b>6.500</b>  |                                          |
| 1          | Dự án Xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn Hòa Phú giai đoạn 2                                                                          | Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh     | 250.000          | 252/QĐ-BDDCN ngày 21/5/2026    | 2.859         | 2.859         | 1.700         | 1.700         | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 2          | Dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Krông Búk, xã Pong Drang                                                                              | Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh     | 250.000          | 253/QĐ-BDDCN ngày 21/5/2026    | 3.332         | 3.332         | 2.300         | 2.300         | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 3          | Dự án Bệnh viện Sản nhi tỉnh Đắk Lắk                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh     | 800.000          | 243/QĐ-BDDCN ngày 21/5/2026    | 5.720         | 5.720         | 2.500         | 2.500         | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| <b>IV</b>  | <b>Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên</b>                                                                                                     |                                 | <b>2.750.000</b> |                                | <b>418</b>    | <b>418</b>    | <b>418</b>    | <b>418</b>    |                                          |
| 1          | Tuyến đường kết nối liên vùng Khu kinh tế Nam Phú Yên với Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông – Khu kinh tế Vân Phong, vùng kinh tế Tây Nguyên | Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên | 2.500.000        | 73/QĐ-KKT ngày 07/4/2026       | 344           | 344           | 344           | 344           | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| 2          | Khu xử lý nước thải khu vực phường Phú Yên (thuộc Khu đô thị mới Nam Tuy Hòa)                                                              | Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên | 250.000          | 72/QĐ-KKT ngày 07/4/2026       | 74            | 74            | 74            | 74            | NSTW 2026 - 2030 tại Báo cáo 167/BC-UBND |
| <b>B</b>   | <b>Số vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết</b>                                                                                                |                                 |                  |                                |               |               | <b>88.709</b> | <b>88.709</b> |                                          |